

RESEARCH ON THE LIVING STANDARD OF THAI NGUYEN PROVINCE IN THE PERIOD 2010 - 2018: FROM THE PERSPECTIVE OF SOCIAL - ECONOMIC GEOGRAPHY

Nguyen Thanh Mai^{1*}, Nguyen Xuan Truong²

¹TNU - University of Education

²Thai Nguyen University

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	17/5/2021	Currently, the living standard of the population is an important issue that is being studied by many scientists. In Vietnam, the economy has made progress with social improvements. As a locality in the Northern Midlands and Mountains, Thai Nguyen province has seen many positive changes in the economy over the past ten years, and people's living standards have been improved day by day. However, the rich-poor gap tends to increase, the living standards of ethnic minorities and remote areas still face many difficulties. This article focuses on researching the current situation of the living standard of Thai Nguyen province in the period 2010 - 2018 through applying problem analysis, synthesis and comparison method on official local database. Thereby proposing solutions to improve this index, contributing to Thai Nguyen province to develop comprehensively in all aspects.
Revised:	07/6/2021	
Published:	09/6/2021	
KEYWORDS		
Living standard		
Thai Nguyen province		
Period 2010 - 2018		
Perspective		
Social - economic geography		

NGHIÊN CỨU MỨC SỐNG DÂN CƯ TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2010 - 2018: TIẾP CẬN DƯỚI GÓC ĐỘ ĐỊA LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI

Nguyễn Thanh Mai^{1*}, Nguyễn Xuân Trường²

¹Trường Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên

²Đại học Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	17/5/2021	Hiện nay, mức sống dân cư là vấn đề quan trọng đang được nhiều nhà khoa học nghiên cứu. Ở Việt Nam, nền kinh tế đạt được nhiều thành tựu tiến bộ cùng sự cải thiện về các mặt xã hội. Là một địa phương thuộc vùng Trung du miền núi phía Bắc, tỉnh Thái Nguyên khoảng hơn mười năm trở lại đây nền kinh tế có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống dân cư ngày một được nâng cao. Tuy nhiên, tình trạng phân hóa giàu nghèo có xu hướng tăng, đời sống của bộ phận người dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Bài viết này tập trung nghiên cứu thực trạng mức sống dân cư của tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 2010 - 2018 dưới góc độ địa lý kinh tế - xã hội, thông qua vận dụng phương pháp nghiên cứu phân tích vấn đề, tổng hợp, so sánh trên cơ sở dữ liệu chính thống của địa phương. Qua đó đề xuất các giải pháp để nâng cao chỉ số này, góp phần đưa tỉnh Thái Nguyên ngày càng phát triển hơn, toàn diện về mọi mặt.
Ngày hoàn thiện:	07/6/2021	
Ngày đăng:	09/6/2021	
TỪ KHÓA		
Mức sống dân cư		
Tỉnh Thái Nguyên		
Giai đoạn 2010-2018		
Góc độ		
Địa lý kinh tế - xã hội		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.4512>

* Corresponding author. Email: nguyenthanhmai@dhsptn.edu.vn

1. Giới thiệu

Mức sống dân cư là vấn đề được rất nhiều các nhà khoa học quan tâm. Đây là nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển con người của hầu hết các quốc gia trên thế giới [1]. Đã có một số công trình nghiên cứu liên quan đến mức sống dân cư trên thế giới như công trình nghiên cứu có tính tổng quan về mức sống dân cư [2], [3]. Sau hơn 30 năm thực hiện chính sách “Đổi mới”, Việt Nam đã đạt được nhiều tiến bộ vượt bậc trong phát triển kinh tế [4]. Cùng với sự tăng trưởng kinh tế và phát triển về mặt xã hội, đời sống người dân ở Việt Nam đã được cải thiện nhiều mặt. Mức sống dân cư Việt Nam được nghiên cứu thông qua một số công trình như được đo lường bằng các chỉ tiêu cụ thể [5] hay chỉ ra sự phân hóa về mức sống giữa các tầng lớp dân cư [6].

Tỉnh Thái Nguyên thuộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Do vị trí địa lý là cửa ngõ giao lưu kinh tế - xã hội giữa vùng trung du miền núi phía Bắc với vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước cùng các điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội thuận lợi đã thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt là tổ hợp công nghiệp Samsung đi vào hoạt động năm 2013. Chính điều này đã làm cho tỉnh Thái Nguyên phát triển nhanh chóng, đời sống người dân được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, mức sống dân cư có sự phân hóa, xuất hiện tình trạng phân hóa giàu nghèo, phân hóa về thu nhập khá rõ rệt, mức sống của bộ phận dân cư, đồng bào dân tộc thiểu số ở nhiều xã vùng cao còn thấp và gặp nhiều khó khăn. Hiện nay, chưa có nghiên cứu nào được thực hiện ở tỉnh Thái Nguyên liên quan đến mức sống dân cư, sự phân hóa mức sống dân cư theo thời gian và không gian. Vì vậy, nghiên cứu mức sống dân cư, các nhân tố ảnh hưởng và nguyên nhân sự phân hóa mức sống dân cư, tìm ra các giải pháp nhằm nâng cao mức sống dân cư tỉnh Thái Nguyên dưới góc độ địa lý kinh tế - xã hội có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Bài báo nghiên cứu thực trạng mức sống dân cư tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2010 - 2018 dưới góc độ địa lý kinh tế - xã hội. Tác giả sử dụng dữ liệu thứ cấp, được khai thác từ các giáo trình, sách, bài báo, số liệu thống kê của Niên giám thống kê Việt Nam, Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên và tài liệu tham khảo có liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

2.2. Phương pháp xử lý, phân tích dữ liệu

Trên cơ sở các dữ liệu đã thu thập, tác giả xử lý các dữ liệu bằng cách lập bảng, so sánh, đối chiếu, xây dựng các bảng số liệu phù hợp. Tác giả sử dụng kết hợp một số phương pháp nghiên cứu như: Phương pháp xử lý, phân tích dữ liệu; phương pháp thống kê mô tả; phương pháp quan sát thực địa, phương pháp chuyên gia. Trên cơ sở những tài liệu thu thập có liên quan đến mức sống dân cư, đưa ra những phân tích đánh giá khách quan, khoa học về vấn đề mức sống dân cư tỉnh Thái Nguyên.

3. Kết quả và bàn luận

Là một tỉnh thuộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Thái Nguyên có tọa độ từ 20°20'B đến 22°25'B, 105°25'Đ đến 106°16'Đ; phía Bắc giáp Bắc Kạn, phía Đông giáp Lạng Sơn và Bắc Giang, phía Nam giáp thủ đô Hà Nội và phía Tây tiếp giáp Tuyên Quang, Vĩnh Phúc. Diện tích tự nhiên của tỉnh Thái Nguyên là 352.664 ha, diện tích nhỏ nhất so với các tỉnh của vùng Trung du và miền núi phía Bắc (chiếm 1,06% diện tích cả nước, đứng thứ 15/15 tỉnh của vùng), bao gồm 9 đơn vị hành chính: Thành phố Thái Nguyên, Thành phố Sông Công, Thị xã Phổ Yên và 06 huyện Đông Hỷ, Phú Bình, Đại Từ, Phú Lương, Định Hóa và Võ Nhai, bao gồm 10 thị trấn, 30 phường và 140 xã.

Thái Nguyên là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội có ý nghĩa lớn của vùng Trung du và miền núi phía Bắc, có vị trí địa lý cách Hà Nội - thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hơn 60 km về phía Nam qua tuyến đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên; cách Lạng Sơn là

tỉnh có nhiều cửa khẩu quốc tế 160 km về phía Đông Bắc qua tuyến đường quốc lộ 1B; cách Hải Phòng - cảng biển quốc tế lớn nhất cả nước với khoảng cách 180 km. Như vậy, có thể coi Thái Nguyên như là cửa ngõ phía Nam quan trọng để kết nối vùng Trung du miền núi phía Bắc với thủ đô Hà Nội, với vùng Đồng bằng sông Hồng và các vùng khác trong nước. Vị trí địa lý trên đã tạo cho tỉnh Thái Nguyên có nhiều thuận lợi trong việc thông thương, buôn bán, giao lưu kinh tế, trao đổi hàng hóa, mở rộng thị trường và tăng cường các mối liên kết không gian, tạo động lực góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương, nâng cao và cải thiện mức sống cho người dân.

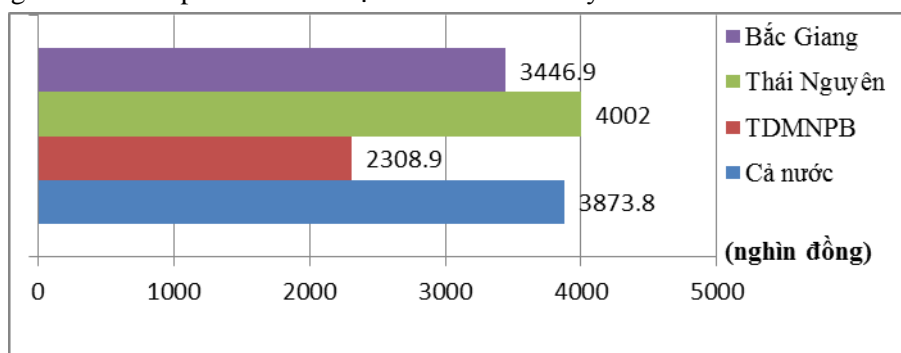
3.1. Thực trạng mức sống dân cư tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2010 - 2018

3.1.1. Nhóm chỉ tiêu kinh tế

GRDP/ người: Năm 2018, quy mô tổng sản phẩm trong tỉnh Thái Nguyên (GRDP) là 98.518,2 tỉ đồng; GRDP/người 77,7 triệu đồng/năm. Chênh lệch giữa GRDP/người và thu nhập bình quân đầu người năm 2018 là 29.676 nghìn đồng.

Thu nhập bình quân đầu người

Một trong những chỉ tiêu cơ bản nhất đánh giá mức sống dân cư là thu nhập bình quân đầu người. Mức thu nhập này của tỉnh Thái Nguyên đặt trong tương quan so sánh với cả nước, với vùng Trung du miền núi phía Bắc thể hiện ở hình 1 dưới đây.



Hình 1. Thu nhập bình quân đầu người/tháng của tỉnh Thái Nguyên và các đối tượng so sánh năm 2018

(Nguồn: tác giả xử lý từ [7])

Thu nhập bình quân đầu người/tháng của tỉnh Thái Nguyên khá cao, cao hơn 128,2 nghìn đồng so với mức trung bình của cả nước, cao gấp 1,73 lần vùng Trung du miền núi phía Bắc; cao gấp 1,2 lần tỉnh Bắc Giang cũng là tỉnh có rất nhiều nét tương đồng với tỉnh Thái Nguyên về cả điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế - xã hội.

Trong bảng xếp hạng Thu nhập bình quân đầu người/tháng, tỉnh Thái Nguyên ở vị trí thứ hai (sau tỉnh Quảng Ninh), cao hơn phần lớn các tỉnh trong vùng Trung du miền núi phía Bắc. So với các địa phương khác trong cả nước, Thái Nguyên đứng thứ 12/63 tỉnh, thành phố về mức thu nhập bình quân đầu người/tháng.

Sự phân hóa giàu nghèo

Thu nhập bình quân đầu người/tháng của tỉnh Thái Nguyên có sự chênh lệch giữa thành thị và nông thôn. Khu vực thành thị có thu nhập bình quân đầu người cao hơn khu vực nông thôn trong cả giai đoạn 2010 - 2018 do cơ cấu nguồn thu ở khu vực thành thị đa dạng và có năng suất cao hơn khu vực nông thôn. Tuy nhiên, sự chênh lệch này ít có sự biến động, chỉ dao động trong khoảng từ 1,7 - 1,9 lần, tương đương mức trung bình của cả nước và vùng Trung du miền núi phía Bắc.

Sự phân hóa giàu nghèo ở tỉnh Thái Nguyên còn là chênh lệch thu nhập giữa 20% số người có mức thu nhập cao nhất so với 20% số người có mức thu nhập thấp nhất thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Chênh lệch thu nhập giữa 20% số người có mức thu nhập cao nhất so với 20% số người có mức thu nhập thấp nhất giai đoạn 2010 - 2018

Năm	Thu nhập bình quân đầu người/tháng nhóm thu nhập thấp nhất (nghìn đồng)	Thu nhập bình quân đầu người/tháng nhóm thu nhập cao nhất (nghìn đồng)	Chênh lệch thu nhập giữa 20% số người có mức thu nhập cao nhất so với 20% số người có mức thu nhập thấp nhất
2010	357,9	2682,7	7,5
2012	499,4	3865,2	7,7
2014	636,0	4924,5	7,7
2016	890,2	6854,5	7,7
2018	1161,1	9822,0	8,5

(Nguồn: tác giả xử lý từ [8])

Trong giai đoạn 2010 - 2018, thu nhập bình quân đầu người của các nhóm dân cư tỉnh Thái Nguyên có sự chênh lệch khá rõ nét. Và sự chênh lệch này có xu hướng tăng lên từ 7,5 lần năm 2010 lên 8,5 lần năm 2018. Điều này phản ánh mức độ thu nhập và nguồn thu của các tầng lớp dân cư tỉnh Thái Nguyên không đồng đều, có sự phân hóa. Điều này ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển kinh tế - xã hội, nhất là vấn đề an sinh xã hội đòi hỏi các cấp chính quyền cần đặc biệt quan tâm và có những chính sách cụ thể nhằm giảm bớt sự chênh lệch thu nhập giữa các tầng lớp này.

Chênh lệch thu nhập giữa 20% số người có mức thu nhập cao nhất với 20% số người có mức thu nhập thấp nhất của tỉnh Thái Nguyên năm 2018 là 8,5 lần. Mức chênh lệch này đứng thứ 3/14 tỉnh trong vùng (cùng vị trí số 3/14 với Bắc Kạn chênh lệch 8,5 lần). Tuy nhiên, mức chênh lệch này thấp hơn so với mức trung bình của cả nước, vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Điều này cho thấy mức chênh lệch thu nhập của tỉnh Thái Nguyên khá cao, có xu hướng tăng lên. Vì vậy, chính quyền địa phương cần có thêm nhiều chính sách để hạn chế tình trạng phân hóa này.

Tỉ lệ hộ nghèo

Số hộ nghèo và tỉ lệ hộ nghèo của tỉnh Thái Nguyên có sự phân hóa theo lãnh thổ phân cấp đơn vị hành chính. Về tỉ lệ hộ nghèo, nhóm có số hộ nghèo thấp dưới 2000 hộ là Thành phố Sông Công, Thành phố Thái Nguyên, Thị xã Phổ Yên và huyện Phú Lương; nhóm có tỉ lệ hộ nghèo cao trên 2000 hộ là huyện Định Hóa, huyện Võ Nhai, huyện Đại Từ, huyện Đồng Hỷ và huyện Phú Bình. Trong đó, hai huyện Định Hóa và Võ Nhai có tỉ lệ hộ nghèo cao nhất trong tổng số hộ nghèo tỉnh Thái Nguyên (huyện Định Hóa: 18,3%; huyện Võ Nhai: 16,3%).

3.1.2. Nhóm chỉ tiêu giáo dục - đào tạo

Mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh ổn định và phát triển. Năm 2018, toàn tỉnh có 448 trường học phổ thông, số học sinh phổ thông có 216,9 nghìn người, tăng 5,5%. Số học sinh bình quân một lớp học mầm non là 29 học sinh/lớp; cấp tiểu học là 30 học sinh/lớp; cấp trung học cơ sở là 35 học sinh/lớp và cấp trung học phổ thông là 41 học sinh/lớp. Số học sinh bình quân một giáo viên mầm non là 13 học sinh/giáo viên; cấp tiểu học là 19 học sinh/giáo viên; trung học cơ sở là 17 học sinh/giáo viên và cấp trung học phổ thông là 18 học sinh/giáo viên. Năm 2018, trên địa bàn tỉnh có 10 trường trung cấp; 14 trường cao đẳng và 9 trường đại học. Tổng số có 24,6 nghìn học sinh học hệ trung cấp; 10,2 nghìn sinh viên học hệ cao đẳng và 41,3 nghìn sinh viên đang học đại học.

Tỉ lệ nhập học tổng hợp đạt tỉ lệ rất cao trên toàn bộ địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Tỉ lệ học sinh đi học phổ thông phân theo cấp học năm 2018 là 98,5%. Trong đó, tỉ lệ nhập học tiểu học là 99,3%; tỉ lệ nhập học trung học cơ sở là 98,4%; tỉ lệ nhập học trung học phổ thông 98,7%. Số năm đi học trung bình năm 2018 là 8,5 năm (cao hơn mức trung bình của cả nước là 8,2 năm). Như vậy, có thể thấy, giáo dục là hoạt động được chú trọng phát triển ở tỉnh Thái Nguyên. Đồng thời, do mức sống dân cư được nâng cao nên các gia đình có sự quan tâm đến vấn đề học hành của con em.

3.1.3. Nhóm chỉ tiêu y tế và chăm sóc sức khỏe

Tổng cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tăng liên tục trong giai đoạn 2010 - 2018 năm 2010 là 539 cơ sở lên 717 cơ sở năm 2018, trong đó có 24 bệnh viện; 13 phòng khám đa khoa khu vực,

180 trạm y tế xã phường; 30 trạm y tế của cơ quan, xí nghiệp, trường học và 470 cơ sở khám chữa bệnh và y tế khác. Tổng số giường bệnh trên địa bàn tăng từ 3.956 giường (năm 2010) lên 7.082 giường (năm 2018). Tỷ lệ số giường bệnh của các cơ sở y tế (không tính giường của trạm y tế) bình quân trên 1 vạn dân năm 2018 là 48,7 giường bệnh. Số nhân lực y tế trên địa bàn tỉnh là 8.015 người, trong đó, có 6.388 người làm việc trong ngành y và 1.627 người làm việc trong ngành dược. Số bác sỹ bình quân 1 vạn dân là 15 người năm 2018. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt 97,4%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng trong giai đoạn 2010 - 2018 giảm đáng kể từ 18,5% năm 2010 xuống còn 11,9% năm 2018. Điều này chứng tỏ sự quan tâm của chính quyền địa phương đối với lĩnh vực y tế nhằm nâng cao mức sống dân cư.

3.1.4. Nhóm chỉ tiêu hỗ trợ

Các chỉ tiêu hỗ trợ thể hiện mức sống dân cư tỉnh Thái Nguyên được cải thiện đáng kể trong giai đoạn 2010 - 2018 thông qua một số chỉ tiêu đều đạt khá cao như tỉ lệ hộ dân sử dụng điện lưới gần như đạt tuyệt đối (năm 2018 là 99,83%); tỉ lệ hộ được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (năm 2018 là 89,9%); tỉ lệ hộ dân có hố xí hợp vệ sinh (tăng từ 76% năm 2010 lên 80,7% năm 2018).

Trong giai đoạn 2010 - 2018, tỉ lệ hộ có đồ dùng lâu bền so với tổng số hộ phân theo loại đồ dùng tỉnh Thái Nguyên có xu hướng tăng lên nhanh chóng tỏ đời sống người dân được cải thiện, góp phần nâng cao mức sống trên mọi mặt vật chất và tinh thần, thể hiện trong bảng 2.

Bảng 2. Tỉ lệ hộ có đồ dùng lâu bền so với tổng số hộ phân theo loại đồ dùng tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2010 - 2018

Loại đồ dùng	Đơn vị tính: %				
	2010	2012	2014	2016	2018
Ô tô	1,46	3,14	4,56	6,66	8,5
Xe máy	78,10	87,70	88,68	89,00	88,97
Máy điện thoại	77,39	89,86	94,83	95,41	95,38
Tủ lạnh	42,80	57,97	71,59	82,78	88,43
Đầu video	63,53	64,15	64,33	55,19	28,94
Tivi màu	88,50	94,50	94,90	94,81	92,75
Dàn nghe nhạc các loại	6,26	5,93	5,39	8,36	3,3
Máy vi tính	11,91	14,97	17,98	21,27	20,5
Máy điều hòa nhiệt độ	4,57	6,16	9,55	16,42	29,14
Máy giặt, máy sấy quần áo	12,91	19,45	26,34	42,44	56,78
Bình tắm nước nóng	15,14	23,24	32,30	43,97	60,16

(Nguồn: tác giả xử lý từ [9])

3.2. Giải pháp nâng cao mức sống dân cư ở tỉnh Thái Nguyên

Để nâng cao mức sống cho người dân tỉnh Thái Nguyên, tác giả đề xuất một số giải pháp cơ bản tập trung vào các chính sách và biện pháp về kinh tế, giáo dục và y tế. Trong đó, giải pháp về kinh tế đóng vai trò quan trọng nhưng luôn song hành cùng các nhóm giải pháp còn lại nhằm cải thiện mức sống dân cư tỉnh Thái Nguyên toàn diện về mọi mặt.

Huy động nguồn vốn và quản lí nguồn vốn có hiệu quả

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách tín dụng ưu đãi theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được vay vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, cải thiện đời sống, vươn lên thoát nghèo; nghiên cứu, đề xuất thực hiện cải cách về điều kiện, thủ tục hồ sơ, tạo thuận lợi cho các đối tượng được tiếp cận với nguồn vốn tín dụng. Kết hợp chặt chẽ chính sách vay vốn với việc hướng dẫn tổ chức sản xuất, chuyển dịch cơ cấu ngành nghề có hiệu quả, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng địa phương và theo khả năng quy mô, trình độ sản xuất từng hộ.

Đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Các huyện miền núi như huyện Định Hóa, huyện Võ Nhai, huyện Phú Lương là nơi tập trung sinh sống của nhiều dân tộc thiểu số như Tày, Nùng, Sán Dìu, Sán Chay, Dao, Mông... Đối tượng này thường sống ở vùng sâu vùng xa, những nơi có điều kiện kinh tế khó khăn, kinh tế xã hội chậm phát triển. Thêm vào đó, những đối tượng này có trình độ học vấn thấp, ít có khả năng nghiên cứu cũng như tiếp xúc với khoa học kỹ thuật. Chính vì vậy, việc nâng cao mức sống dân cư cho những đối tượng này thường rất khó. Bởi vậy, cần có những chính sách giáo dục dành cho những đối tượng này như: Mở các lớp học dành riêng cho các đối tượng thuộc diện dân tộc thiểu số. Các đối tượng này sẽ được miễn giảm học phí, tổ chức các lớp học tại các địa phương để những đối tượng dễ dàng tham gia các lớp học, các lớp tập huấn để người dân có trình độ kiến thức, tiếp cận khoa học để thay đổi phương thức sản xuất, thay đổi quan điểm và suy nghĩ trong làm ăn, sản xuất [10].

Thực hiện công tác giảm nghèo nhanh, bền vững gắn với quá trình xây dựng nông thôn mới

Nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả trên địa bàn các xã trong và ngoài Chương trình 135, mô hình liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, cộng đồng với doanh nghiệp; mô hình giảm nghèo gắn với an ninh quốc phòng; tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận các chính sách, nguồn lực, thị trường. Ưu tiên nhân rộng các mô hình giảm nghèo liên quan đến sinh kế phù hợp với từng vùng, nhóm dân cư và đối tượng được hỗ trợ, góp phần nâng cao thu nhập, phát triển kinh tế, giúp các hộ dân thoát nghèo.

Tiếp tục triển khai đề án 2037 “*Phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất và đời sống các xóm, bản đặc biệt khó khăn, có nhiều đồng bào dân tộc Mông sinh sống tỉnh Thái Nguyên*” tại 4 huyện Đông Hỷ, Phú Lương, Định Hóa, Võ Nhai. Hỗ trợ kinh phí giống, phân bón trồng ngô lai, chăn nuôi trâu bò, trồng cây ăn quả và hỗ trợ lãi suất cho vay đối với các hộ nghèo và hộ cận nghèo vay vốn ngân hàng chính sách xã hội. Hỗ trợ những hộ gia đình nghèo, có hoàn cảnh khó khăn của các xã như Bộc Nhiêu, Đông Thịnh (huyện Định Hóa). Xây dựng kế hoạch, điều phối các hoạt động cung cấp dịch vụ công tác xã hội để người nghèo ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng.

Mô hình sinh kế: Mô hình cộng đồng bảo vệ rừng và phát triển sinh kế tại 5 xã của huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên giúp cộng đồng có thu nhập công bằng từ rừng, các hộ neo đơn góp phần giảm nghèo và tăng quản trị xã hội. Mô hình cộng đồng bảo vệ rừng và phát triển sinh kế, cuộc sống người dân được bảo vệ tốt và phát triển bền vững. Phát huy lợi thế của địa phương, đổi mới và hoàn thiện quy hoạch nông nghiệp theo hướng thị trường, linh hoạt trong việc sử dụng đất nông nghiệp để tạo cho người dân chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp phù hợp với nhu cầu. Các mô hình sản xuất nông sản có lợi như trồng cây ăn quả ở các xã La Hiên, Dân Tiến, Lâu Thượng và Phú Thượng (huyện Võ Nhai), mở rộng mô hình chăn nuôi dê, bò để phát huy thế mạnh của vùng. Chú trọng đến phát triển cây dược liệu: Ba kích, Đinh lăng, Hà thủ ô, Gừng trâu, nghệ vàng... đây là những cây trồng cho năng suất cao mang lại hiệu quả kinh tế cao. Huyện Định Hóa, trong giai đoạn 2016 – 2020 đã triển khai 118 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và 7 mô hình giảm nghèo góp phần quan trọng cải thiện đời sống của người dân vùng khó khăn.

Nâng cao khả năng ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất

Tỉnh Thái Nguyên chú trọng phát triển các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các mô hình nông nghiệp sạch. Từ đó, góp phần sản xuất ra các sản phẩm được chứng nhận đạt tiêu chuẩn, truy xuất nguồn gốc xuất xứ, tham gia liên kết cung cấp sản phẩm qua chuỗi liên kết với doanh nghiệp, hệ thống cửa hàng, siêu thị trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Từ đó, gia tăng năng suất, giá trị gia tăng, thân thiện môi trường, góp phần nâng cao thu nhập, bảo đảm an sinh xã hội như một số vùng sản xuất rau tập trung trên diện tích hơn 1.200 ha ở các xã Linh

Son, Huống Thượng, Tích Lương (Thành phố Thái Nguyên), Nhã Lộng, Đào Xá (huyện Phú Bình), Động Đạt (huyện Phú Lương), khu nông nghiệp công nghệ cao xã Tiên Phong (huyện Phổ Yên), vùng sản xuất hoa ứng dụng công nghệ cao tại phường Cam Giá, Gia Sàng (Thành phố Thái Nguyên), mô hình trồng dưa lê hữu cơ, dưa lưới Nhật Bản và dưa Kim Hoàng Hậu triển khai trồng ở xóm Cầu Đá, xã Thịnh Đức (Thành phố Thái Nguyên)...

Trong chăn nuôi, hướng tới phát triển các mô hình trang trại ứng dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học - kỹ thuật về giống có năng suất cao, tự động hóa vận hành thức ăn, nước uống, sát trùng và xử lý môi trường, liên kết với các đơn vị, doanh nghiệp để đầu tư vốn, kỹ thuật, công nghệ mới vào quy trình sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và giá trị gia tăng trong chăn nuôi. Tiếp tục phát triển vùng chăn nuôi gà thả vườn tại huyện Phú Bình, Định Hóa, Võ Nhai; vùng chăn nuôi lợn tại huyện Phú Bình, thị xã Phổ Yên... Tập huấn, hướng dẫn cách làm chuồng trại, kỹ thuật chăn nuôi, biện pháp phòng trị bệnh, phối giống. Phát triển dựa trên lợi thế đồng cỏ rộng, chi phí đầu tư thấp, thuận lợi cho việc chăn thả bò.

Nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục, y tế cho các hộ dân

Chính sách hỗ trợ về nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường: Tăng cường hoạt động truyền thông và giáo dục để nâng cao kiến thức, thay đổi hành vi sử dụng nước sinh hoạt và vệ sinh của người dân. Xây dựng các công trình cấp nước đáp ứng nhu cầu của người dân; các địa điểm công cộng có nhà vệ sinh phù hợp với đặc thù từng địa bàn. Đầu tư hệ thống thu, gom, xử lý rác thải, vệ sinh môi trường nông thôn. Tăng cường công tác quản lý nhà nước; huy động tối đa nội lực, tăng cường xã hội hóa, lồng ghép các nguồn vốn để triển khai thực hiện hiệu quả việc cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn [11].

Hỗ trợ truyền thông về giảm nghèo và thông tin: Thực hiện chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa, hỗ trợ phương tiện truyền thông theo quy định. Hỗ trợ sản xuất, biên tập, phát hành, phát sóng các chương trình phát thanh, truyền hình, lưu trữ, quảng bá, các ấn phẩm truyền thông; đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ thông tin và truyền thông tại cơ sở. Xây dựng, phát triển hệ thống hạ tầng truyền thông, công nghệ thông tin.

Chính sách trợ giúp pháp lý: Tiếp tục thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo, thôn bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2020 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, của tỉnh. Thực hiện trợ giúp pháp lý trực tiếp cho 100% người nghèo trên địa bàn có nhu cầu trợ giúp pháp lý; ưu tiên đồng bào nghèo là dân tộc thiểu số tại các xã, xóm đặc biệt khó khăn. Hỗ trợ nâng cao năng lực cho các câu lạc bộ trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý, cán bộ tư pháp cấp xã, tổ hòa giải [12].

4. Kết luận

Trên đây, tác giả đưa ra những phân tích, luận giải làm rõ bức tranh toàn cảnh mức sống dân cư tỉnh Thái Nguyên. Như vậy, trong thời gian ngắn, mức sống dân cư của tỉnh Thái Nguyên đã có nhiều thay đổi tích cực về nhiều mặt. Song, qua thực tế nghiên cứu cho thấy mức sống dân cư của người dân Thái Nguyên có sự chênh lệch rõ về mức sống giữa thành thị với nông thôn, giữa các nhóm thu nhập, giữa khu vực trung du với miền núi, giữa các dân tộc. Đặc biệt, khoảng cách giàu nghèo ngày càng nới rộng ra, người dân tộc thiểu số ở khu vực vùng sâu vùng xa, người nghèo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đối mặt với nhiều khó khăn. Do đó, việc phối hợp đồng bộ các giải pháp nâng cao mức sống dân cư, thu hẹp khoảng cách chênh lệch mức sống giữa các tầng lớp dân cư là việc làm cần thiết thông qua các chính sách kinh tế - xã hội cụ thể và phù hợp bối cảnh. Trong đó, vấn đề then chốt phải tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế, thực hiện những chính sách xã hội để giảm bớt khoảng cách giàu nghèo, chủ động áp dụng các hình thức hỗ trợ cần thiết đối với người nghèo, tới những hộ sản xuất nông nghiệp, tăng cường củng cố hệ thống an sinh xã hội theo hướng mở rộng đến mọi người dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] D. K. L. Ngo, "A theory-based living standards index for measuring poverty in developing countries," *Journal of Development Economics*, vol. 130, pp. 190-202, 2018.
- [2] S. Thewissen, L. Kenworthy, B. Nolan, M. Roser, and T. Smeeding, "Rising Income Inequality and Living Standards in OECD Countries: How Does the Middle Fare?" *Journal of Income Distribution, Ad libros publications inc.*, vol. 26, no. 2, pp. 1-23, July 2018.
- [3] P. Madzík, J. Piteková, and A. Daňková, "Standard of Living as a Factor of Countries' Competitiveness," *Procedia Economics and Finance, Elsevier*, 2015. [Online]. Available: [https://doi.org/10.1016/S2212-5671\(15\)01660-3](https://doi.org/10.1016/S2212-5671(15)01660-3). [Accessed December 18, 2015].
- [4] H. S. Nguyen and Q. T. Tran, "Improving people's living standards in the process of industrialization and modernization in Vietnam: Achievements and challenges," *VNU Science Journal, Economics and Business*, vol. 30, no. 1, pp. 10-18, 2014.
- [5] H. D. Nguyen, "Developing indicators to measure Vietnamese household living standards," *Economic Development Magazine*, vol. 27, no. 2, pp. 17-34, February 2016.
- [6] Q. G. Nguyen, "Difference in popular living studies through data of Vietnam household life surveys (2006 - 2014)," *Social science Journal*, vol. 229, no. 9, pp. 30-39, 2017.
- [7] General Statistics Office, *Vietnam Statistical Yearbook*. Statistical Publishing House, Hanoi, 2018.
- [8] General Statistics Office, *Results of the Vietnam Living Standards Survey 2018*. Statistical Publishing House, Hanoi, 2019.
- [9] Thai Nguyen Statistical Office, *Thai Nguyen Statistical Yearbook 2010, 2015, 2018*. Statistics Publishing House, 2011, 2016, 2019.
- [10] T. T. H. Tran, "Improving living standard in Son La province in a sustainable way," Ph.D. thesis in geography, Development Strategy Institute, Ministry of Planning and Investment, Hanoi, 2018.
- [11] D. T. Nguyen, "Research on the people's living standards in Binhdingh province," Ph.D thesis in geography, HCM City University of Education, HCM City, 2021.
- [12] The People's Council of Thai Nguyen province, *Resolution No. 15/NQ-HDND, the fourth session of Thai Nguyen's Sustainable Poverty Reduction Program period 2017-2020*, term XIII (2017).